

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Giao thông vận tải; Chuyên ngành: Xây dựng Cầu

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: VŨ BÁ THÀNH

2. Ngày tháng năm sinh: 08/09/1989; Nam ☒ ; ☐ Nữ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Tân Việt, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Tân Việt, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 503CT2-C2 chung cư VOV Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0976936750;

E-mail: thanhvb@utc.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 02/2013 đến 01/2017: Giảng viên, Bộ môn Cầu Hầm, Khoa Công trình, Trường Đại học Giao thông vận tải

- Từ 01/2017 đến 04/2021: Nghiên cứu sinh Tiến sỹ tại Trường Đại học Paris-Est, Cộng hòa Pháp

- Từ 04/2021 đến nay: Giảng viên, Bộ môn Cầu Hầm, Khoa Công trình, Trường Đại học Giao thông vận tải

Chức vụ hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Không.

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Cầu Hầm, Khoa Công trình, Trường Đại học Giao thông vận tải

Địa chỉ cơ quan: số 3 Cầu Giấy, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02437663311

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu : chưa nghỉ hưu

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 08 tháng 06 năm 2012; số văn bằng: 010547; ngành: Xây dựng Cầu đường, chuyên ngành: Xây dựng Cầu - Đường; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 31 tháng 12 năm 2014; số văn bằng: A100684; Chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 03 tháng 03 năm 2022; số văn bằng: UPEST 15654844; Chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng dân dụng; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Paris-Est, Cộng hòa Pháp.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Giao thông vận tải.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Giao thông vận tải.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: *Phát triển ứng dụng phương pháp trường pha nhằm cải thiện độ chính xác trong mô phỏng ứng xử cơ học của kết cấu công trình ở cấp độ vi mô*

- Hướng nghiên cứu 2: *Phân tích và đánh giá hư hỏng công trình cầu bê tông cốt thép trong môi trường ăn mòn ở cấp độ kết cấu dựa trên mô phỏng số với phương pháp trường pha và các giải pháp sửa chữa với vật liệu tiên tiến*

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 03 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: chủ nhiệm 02 đề tài NCKH cấp cơ sở (cấp trường Đại học Giao thông vận tải) (trong đó có 01 đề tài cấp trường trọng điểm);

- Đã công bố (số lượng) 43 bài báo khoa học, trong đó có 08 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính (với 07 bài là tác giả đầu tiên và 01 bài là tác giả liên hệ) sau TS;
- Số lượng sách đã xuất bản : Tham gia biên soạn 05 cuốn sách phục vụ công tác đào tạo, trong đó 01 giáo trình phục vụ đào tạo và 04 sách tham khảo phục vụ đào tạo (01 sách tham khảo ứng viên là chủ biên) ;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Công nhận sáng kiến có hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng cấp Bộ năm 2023 theo Quyết định số 3215/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 10 năm 2023;
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Quyết định số 3777/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 11 năm 2023;
- Danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở năm học 2022-2023 theo Quyết định số 2058/QĐ-ĐHGTVT ngày 18 tháng 09 năm 2023;
- Danh hiệu viên chức và người lao động có đủ điều kiện, tiêu chuẩn Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đánh giá, xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2024 theo Quyết định số 3024/QĐ-ĐHGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2024;
- Danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2024 theo Quyết định số 239/QĐ-ĐHGTVT ngày 17 tháng 01 năm 2025 ;

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng vững vàng; đủ sức khỏe đảm bảo yêu cầu công việc; tuân thủ pháp luật và thực hiện đúng các quy định của Nhà trường; trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác;
- Có đủ kiến thức và năng lực chuyên môn để giảng dạy, xây dựng và phát triển chương trình đào tạo. Tham gia biên soạn sách, giáo trình giảng dạy phù hợp với chuyên môn;
- Có đủ năng lực đề xuất và thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao. Hoàn thành tốt các nhiệm vụ hướng dẫn sinh viên đại học, học viên cao học theo hướng nghiên cứu;
- Thường xuyên học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà giáo; tham gia các công tác và hoạt động của Nhà trường.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 7 năm 02 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015	0	0	0	24	265	0	265/691,49/280
2	2015-2016	0	0	0	13	235	0	235/503,26/270
3	2021-2022	0	0	0	7	361,5	0	361,5/486,86/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023	0	0	1	5	207	0	207/312,98/250
5	2023-2024	0	0	1	4	210	0	210/374,53/250
6	2024-2025	0	0	3	4	143	24	167/400,08/250

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Pháp, Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☒; Tại nước: Việt Nam; Từ năm 2007 đến năm 2012 ;

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ tại Việt Nam và

- Bảo vệ luận án TS ☒ tại nước: Cộng hòa Pháp năm 2021 và được cấp bằng tháng 03/2022

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: **Tiếng Pháp, Tiếng Anh**

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Giao thông vận tải (cho sinh viên lớp Cầu đường bộ Việt-Pháp, Cầu đường bộ Việt-Anh, Chương trình tiên tiến Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông thuộc Khoa đào tạo Quốc tế quản lý).

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. **Tiếng Pháp (văn bằng, chứng chỉ):** Chứng chỉ tiếng Pháp TCF 409 điểm (Chứng chỉ đạt được trước khi đi nước ngoài làm NCS) và xác nhận giảng dạy đại học bằng tiếng nước ngoài.

- **Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):** Đã học tập, nghiên cứu toàn thời gian ở nước ngoài và được cấp bằng Tiến sỹ của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài và xác nhận giảng dạy đại học bằng tiếng nước ngoài.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Bá Phong		x	x		Từ 05/2023 đến 05/2024 (theo Quyết định số 373/QĐ-MĐC ngày 04/05/2023)	Trường Đại học Mở-Địa chất	Quyết định số 68/QĐ-MĐC về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Thạc sĩ, ký ngày 10/01/2025
2	Phạm Văn Việt		x		x	Từ 05/2023 đến 01/2025 (theo Quyết định số 988/QĐ-ĐHGTVT ngày 15/05/2023)	Trường Đại học Giao thông Vận tải	Quyết định số 828/QĐ-ĐHGTVT về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Thạc sĩ, ký ngày 10/04/2025
3	Trần Mạnh Hưng		x	x		Từ 07/2024 đến 01/2025 (theo Quyết định số 1590/QĐ-ĐHGTVT ngày 15/07/2024)	Trường Đại học Giao thông Vận tải	Quyết định số 828/QĐ-ĐHGTVT về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Thạc sĩ, ký ngày 10/04/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Phương pháp trường pha mô hình hóa và mô phỏng hư hỏng kết cấu chứa vật liệu giòn	TK	NXB Xây dựng, ISBN: 978-604-82-8110-6 ; 2024	4	Chủ biên	5-120	Ngày 06/11/2024 của Trường Đại học Giao thông vận Tải
2	Kết cấu công trình Bê tông cốt thép trong môi trường ăn mòn	TK	NXB Xây dựng, ISBN: 978-604-82-8147-2 ; 2024	8	Đồng tác giả	3-14; 32-197; 255-386	Ngày 06/11/2024 của Trường Đại học Giao thông vận tải
3	Đồ án Thiết kế cầu và kết cấu	TK	NXB GTVT, ISBN: 978-604-76-2947-3 ; 2024	2	Đồng tác giả	5-31; 58-187	Ngày 05/12/2024 của Trường Đại học Giao Thông Vận Tải

4	Đường ray không đá kiểu tấm bản trên cầu đường sắt tốc độ cao	TK	NXB GTVT, ISBN: 978-604-76-3122-3; 2025	3	Đồng tác giả	5-193	Ngày 15/06/2025 của Trường Đại học Giao thông vận tải
5	Công nghệ thi công cầu và hầm	GT	NXB GTVT, ISBN: 978-604-76-3133-9; 2025	4	Đồng tác giả	5-105	Ngày 23/06/2025 của Trường Đại học Giao Thông Vận Tải

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS (Trước 03/03/2022)				
1	Sử dụng xi măng nano kết hợp cốt sợi phân tán để nâng cao tính dẻo (ductility) trong sửa chữa khe co giãn cầu có lưu lượng xe tải lớn	CN	Mã số T2016-CT-86 Đề tài cấp cơ sở (cấp Trường)	06/2015 - 09/2016	Nghiệm thu ngày 08/09/2016 Xếp loại: Tốt
II	Sau khi được công nhận PGS/TS (Sau 03/03/2022)				
1	Tối ưu hóa vật liệu composite sử dụng phương pháp cấu trúc tiến hóa hai chiều (BESO) và trí tuệ bầy đàn (Swam Intelligence) trên cơ sở mô hình phase field	CN	Mã số T2022-CT-005TD Đề tài cấp cơ sở trọng điểm (cấp Trường trọng điểm)	01/2022-06/2023	Nghiệm thu ngày 08/06/2023 Xếp loại: Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm ; TK : Thư ký

- Trong đó, Ứng viên đề xuất đề tài thứ tự số I.1 và II.1 làm điều kiện cứng xét công nhận tiêu chuẩn chức danh PGS theo quy định.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS (11 bài báo) (Trước 03/03/2022)							
1	Tính toán thiết kế dầm bê tông cốt thép chịu lực cắt - uốn kết hợp	05		Tạp chí Giao thông vận tải ISSN: 0866-7012			Số 6/2014, 26-27 và 64	T6, 2014
2	Hiệu quả của vữa gốc xi măng nano không co ngót sớm hình thành cường độ cao trong sửa chữa cầu	03	x	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải. ISSN: 1859-2724			Số 50, 53-58	T2, 2016
3	Sử dụng xi măng nano kết hợp cốt sợi phân tác để nâng cao tính dẻo trong sửa chữa khe co giãn cầu có xe tải lớn	05	x	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818			Số 9/2016, 54-56	T9, 2016
4	Phân tích sự phân bố nhiệt độ do nhiệt thủy hóa xi măng trong trụ cầu bê tông cốt thép ở tuổi sớm bằng phương pháp đồng nhất hóa https://doi.org/10.47869/tcsj.72.6.6	05		Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải. ISSN: 1859-2724; e-ISSN: 2615-9554			Vol. 72 (6), 738-752	T8, 2021
5	Mô phỏng sự hình thành và lan truyền vết nứt trong dầm bê tông cường độ cao có chất kết dính bổ sung silica bằng phương pháp phase field https://doi.org/10.47869/tcsj.72.6.1	05	x	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải. ISSN: 1859-2724; e-ISSN: 2615-9554			Vol. 72 (6), 672-686	T8, 2021
6	Xác định ứng xử nhiệt của vật liệu xếp lớp trong trường hợp miền phân giới là không hoàn hảo tổng quát bằng cách giải bài toán đồng nhất hoá nhiệt cục bộ	05		Hội nghị toàn quốc về cơ học vật rắn biến dạng 2021/ ISBN: 978-604-9987-74-8			Trang 322-329	T9, 2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
7	Phân tích đặc tính thủy lực trong môi trường vật liệu rỗng kép bằng phương pháp phần tử biên	04		Hội nghị toàn quốc về cơ học vật rắn biến dạng 2021/ ISBN: 978-604-9987-74-8			Trang 1016-1024	T9, 2021
8	Xác định các đặc trưng vật liệu tương đương thay đổi theo thời gian của kết cấu bê tông cốt thép bằng phương pháp đồng nhất hóa	05		Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818; e-ISSN: 2615-9751			Số 9/2021, 37-41	T9, 2021
9	Phương pháp phase field với phân rã trực giao ten-xơ biến dạng mô phỏng hư hỏng kết cấu chứa vật liệu đẳng hướng	02	x	International Conference on sustainable construction development in the context of climate change in the Mekong Delta (SCD2021); ISBN: 978-604-82-5956-3			Trang 67-74	T10, 2021
10	Phân tích trường ứng suất do nhiệt thủy hóa xi măng trong trụ cầu bê tông cốt thép bằng phương pháp đồng nhất hóa	05	x	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818; e-ISSN: 2615-9751			Số 11/202, 32-37	T11, 2021
11	Ảnh hưởng của nhựa PET tái chế từ chai nhựa đến một số tính chất cơ lý của bê tông https://doi.org/10.47869/tcsj.72.9.2	06		Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải. ISSN: 1859-2724; e-ISSN: 2615-9554			Vol. 72 (9), 1023-1033	T12, 2021
II	Sau khi được công nhận TS (32 bài báo) (Sau 03/03/2022)							

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
12	Damage simulation of reinforced concrete beams relating to corrosion of reinforcement in concrete	04	x	The 1 st Conference on Advances in Civil Engineering (ICACE 2022); ISBN: 978-604-6724-10-0			Trang 8-16	T05, 2022
13	Modelling and simulation of fracture in anisotropic brittle materials by the phase-field method with novel strain decompositions https://doi.org/10.1016/j.mechrescom.2022.103936	03	x	Mechanics Research Communication, ISSN: 0093-6413, e-ISSN: 1873-3972	SCIE (Q2); IF=2,498 (2022)	10	Vol. 124, 103936	T7, 2022
14	Influences of pre-bending load and corrosion degree of reinforcement on the loading capacity of concrete beams https://doi.org/10.1515/jmbm-2022-0061	06		Journal of the Mechanical Behavior of Material, ISSN: 0334-8938, e-ISSN: 2191-0243	ESCI (Q2); IF=2,344 (2022)	03	Vol. 31, 554-563	T7, 2022
15	Mô hình hóa và mô phỏng sự lan truyền vết nứt trong vật liệu trục hướng bằng phương pháp trường pha https://doi.org/10.47869/tcsj.73.6.2	02	x	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải. ISSN: 1859-2724; e-ISSN: 2615-9554			Vol. 73 (6), 614-629	T8, 2022
16	Phân tích và nhận diện hình ảnh các pha vật liệu thành phần trong kết cấu bê tông bằng phương pháp chụp cắt lớp với tia X	02		Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818; e-ISSN: 2615-9751			Số 8/2021, 36-40	T8, 2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
17	Phase field method with strain orthogonal decompositions for modelling of damage in heterogeneous materials obtained by x-ray computed tomography images https://doi.org/10.47869/tcsj.74.1.3	01	x	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải. ISSN: 1859-2724; e-ISSN: 2615-9554			Vol. 74 (1), 20-34	T01, 2023
18	Tối ưu hóa vật liệu composite sử dụng kết hợp phương pháp cấu trúc tiến hóa hai chiều và trí tuệ bầy đàn	03	x	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818; e-ISSN: 2615-9751			Số 03/2023 33-36	T3, 2023
19	Phương pháp trường pha phân tích hư hỏng kết cấu chứa hai pha vật liệu được đồng nhất hóa theo ba điều kiện biên https://www.doi.org/10.55228/JTST.12(3).41-52	02	x	Tạp chí Khoa học công nghệ Giao thông vận tải. ISSN: 1859-4263; e-ISSN: 3030-4261			Vol. 12 (3), 41-52	T05, 2023
20	Strain orthogonal decomposition implemented within the phase field method with interfacial damage to model fracture in multi-phase heterogeneous materials https://doi.org/10.47869/tcsj.74.4.1	03	x	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải. ISSN: 1859-2724; e-ISSN: 2615-9554		03	Vol. 74 (4), 386-399	T05, 2023
21	Đánh giá khả năng chịu tải của các kết cấu dầm bê tông cốt thép có xét đến mức độ ăn mòn của các cốt thép	05	x	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818; e-ISSN: 2615-9791			Số 732, 26-29	T8, 2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
22	A phase field method of crack nucleation investigation for experimental validation by using the improved degradation functions and strain orthogonal decompositions https://doi.org/10.1016/j.apples.2023.100173	03	x	Applications in Engineering Science, ISSN: 2666-4968	ESCI (Q2); IF=2,2 (2024)	03	Vol. 17, 100173	T12, 2023
23	Phương pháp trường pha sử dụng họ hàm suy biến cải tiến dự đoán tải trọng giới hạn gây phá hoại vật liệu giòn	03	x	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818; e-ISSN: 2615-9791			Vol. 64 (3), 51-54	T3, 2024
24	Topology optimization of brittle composites for optimizing fracture resistance incorporating phase field method with strain orthogonal decompositions, https://doi.org/10.1007/s11029-024-10194-2	05	x	Mechanics of Composite Materials, ISSN: 0191-5665; e-ISSN: 1573-8922	SCIE (Q2); IF=1,918 (2023)	02	Vol. 60 (2), 385-400	T5, 2024
25	Effective applications of 1-D finite difference modeling for temperature prediction of concrete structures https://doi.org/10.1016/j.rineng.2024.102485	06		Results in Engineering, ISSN: 2590-1230	ESCI (Q1); IF=6,5 (2024)	01	Vol. 23, 102485	T6, 2024
26	Phân tích ứng xử kết cấu dầm cầu bằng bê tông cốt thép sử dụng bê tông có cốt liệu mịn nghiền từ vỏ ngao Bến Tre	06		Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818; e-ISSN: 2615-9791			Vol. 64 (7), 19-22	T7, 2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
27	Phase-field modelings of fracture investigate the influence of interfacial effects on damage and optimal material distribution in brittle inclusion-matrix structures, https://doi.org/10.1016/j.finmec.2024.100282	06	x	Forces in Mechanics, ISSN: 2666-3597	ESCI (Q2); IF=3,2 (2024)		Vol. 16, 100282	T8, 2024
28	Nghiên cứu cơ chế dính bám trong thí nghiệm kéo trượt kết cấu bê tông cốt thép bị ăn mòn bằng mô hình trường pha https://www.doi.org/10.55228/JTST.13(5).20-29	04	x	Tạp chí Khoa học công nghệ Giao thông vận tải. ISSN: 1859-4263; e-ISSN: 3030-4261			Vol. 13 (5), 20-29	T09, 2024
29	Effect of ultra high-performance concrete thickness on the mechanical behavior of orthotropic steel bridge deck https://doi.org/10.47869/tcsj.75.7.10	05		Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải. ISSN: 1859-2724; e-ISSN: 2615-9554			Vol. 75 (7), 2129-2138	T09, 2024
30	Fracture modeling in composite structures containing orthotropic materials by incorporating strain orthogonal decompositions into phase-field method of interfacial damage https://doi.org/10.1108/EC-12-2023-0951	03	x	Engineering Computations, ISSN: 0264-4401	SCIE (Q2); IF=1,709		Vol. 41 (8/9), 2225-2250	T10, 2024
31	Mô phỏng phá hoại kết cấu dưới các loại tải trọng khác nhau bằng phương pháp trường pha phát triển trên bài toán ba chiều	02	x	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818; e-ISSN: 2615-9791			Vol. 64 (10), 35-38	T10, 2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
32	Sử dụng phương pháp trường pha cải tiến để nâng cao sự chính xác của mô phỏng hư hỏng trong các kết cấu điển hình https://doi.org/10.31814/stce.huce2024-18(4V)-10	01	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng, ISSN: 2615-9058; e-ISSN: 2734-9489			Vol. 18 (4V), 122-136	T11, 2024
33	Thực nghiệm xác định độ thấm nước của bê tông sử dụng cốt liệu mịn trộn vò ngao nghiền	05		Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818; e-ISSN: 2615-9791			Vol. 64 (11), 16-19	T11, 2024
34	Mô hình hóa và mô phỏng kết cấu chứa nhiều pha vật liệu dị hướng bằng phương pháp trường pha đơn biến	02	x	Tạp chí Giao thông vận tải, ISSN: 2354-0818; e-ISSN: 2615-9791			Vol. 64 (11), 20- 23	T11, 2024
35	Phase-field method of fracture for experimental validation to simulate damage caused by reinforcement corrosion in clam-shell concrete beams, https://doi.org/10.1016/j.conbuildmat.2024.139065	03	x	Construction and Building Materials, ISSN: 0950-0618; e-ISSN: 1879-0526	SCIE (Q1); IF=8,06 (2022)	01	Vol. 454, 139065	T12, 2024
36	Durability and strength of reinforced concrete bridges subject to corrosion: fuzzy random and probabilistic analysis, http://dx.doi.org/10.4314/njtd.v21i4.2593	05		Nigerian Journal of Technological Development, ISSN: 0189-9546; e-ISSN: 2437-2110	Scopus (Q4); (2024)		Vol. 21 (4), 85-96	T12, 2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
37	Durability prediction of lightweight concrete structure considering pre-compressive stress based on probabilistic theory, http://dx.doi.org/10.6180/jase.202509_28(9).0017	05		Journal of Applied Science and Engineering, ISSN: 2708-9967; e-ISSN: 2708-9975	ESCI (Q2); IF=1,472 (2023)		Vol. 28 (9), 1819-1831	T01, 2025
38	Nghiên cứu cơ chế hư hỏng và sự suy giảm sức chịu tải do ăn mòn cốt thép trong kết cấu bê tông bằng thực nghiệm và mô phỏng https://www.doi.org/10.55228/JTST.14(1).49-60	01	x	Tạp chí Khoa học công nghệ Giao thông vận tải. ISSN: 1859-4263; e-ISSN: 3030-4261			Vol. 14 (1), 49-60	T01, 2025
39	Nghiên cứu thực nghiệm ảnh hưởng của mức độ ăn mòn cốt thép tới ứng xử dính bám giữa cốt thép và bê tông vò ngao	02	x	Tạp chí Cầu đường Việt Nam. ISSN: 1859-459X			Số 3, 31-34	T3, 2025
40	Research on determining the correlation between the strength of the concrete core and the concrete used as tubular formwork in compressed structural elements, http://dx.doi.org/10.6180/jase.202602_29(2).0003	03	x	Journal of Applied Science and Engineering, ISSN: 2708-9967; e-ISSN: 2708-9975	ESCI (Q2); IF=1,472 (2023)		Vol. 29 (2), 267-278	T05, 2025
41	Xác định tần số dao động của dầm thép dạng công xon bằng cảm biến sợi quang FBG https://www.doi.org/10.55228/JTST.14(3).83-92	07		Tạp chí Khoa học công nghệ Giao thông vận tải. ISSN: 1859-4263; e-ISSN: 3030-4261			Vol. 14 (3), 83-92	T05, 2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
42	Phase-field modeling for investigating the effect of rebar positioning and uniform versus non-uniform corrosion on concrete fracture, https://doi.org/10.3221/IGF-ESIS.73.12	07	x	Fracture and Structural Integrity/ Frattura ed Integrita Strutturale, e-ISSN: 1971-8993	ESCI (Q2); IF=1,563 (2023)		Vol. 19 (73), 166-180	T05, 2025
43	Dự báo tải trọng và chuyển vị tới hạn của vật liệu giòn bằng mô hình trường pha kết hợp với phương pháp học máy, https://doi.org/10.47869/tcsj.76.5.8	04	x	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải. ISSN: 1859-2724; e-ISSN: 2615-9554			Vol. 76 (5), 739-751	T06, 2025

- Trong đó: Số lượng **08** bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính (trong đó **07** bài ứng viên là tác giả đứng đầu và **01** bài ứng viên là tác giả liên hệ) sau TS/PGS: thứ tự các bài như sau: 13, 22, 24, 27, 30, 35, 40, 42.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích : Không có

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao) : Không có

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: Không có

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Không

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS : Không áp dụng

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Ứng viên hoàn thành đủ thâm niên

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT: Ứng viên hướng dẫn đủ số lượng HVCH theo yêu cầu.

c) Nghiên cứu khoa học: Ứng viên đủ số lượng yêu cầu

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS): Không áp dụng

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Vũ Bá Thành